

Bản án số: **156/2023/HS-PT**

Ngày: 26/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiên**

Các thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường**

ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giết người”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2102/2023/QĐXXPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023.

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Tên gọi khác: T t; Sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi ĐKTT: tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở: tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12. Họ và tên cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; họ tên mẹ: Cao Thị H, sinh năm 1966. Bị cáo có vợ là Diệp Thùy L, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/7/2013 bị TAND tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 tại bản án số 219/2013/HSPT. Ngày 29/8/2014 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày

24/7/2019, bị TAND thị xã B xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Điều 178 Bộ luật hình sự tại bản án số 33/2019/HS-ST. Ngày 15/9/2020 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk từ ngày 23/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Nguyễn T T – Văn phòng luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.

2. Luật sư: Huỳnh Thế P – Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị hại:

1. Anh Bùi Hữu P sinh năm 1997; địa chỉ: TP Hải Phòng (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn H sinh năm 1972, địa chỉ: tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3. Đặng Văn C sinh năm 1989, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; trú tại: tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 29/6/2017, tại quán nhậu X thuộc Tổ dân phố 5, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk do anh Vũ Bảo N (*sinh năm 1990, trú tại tỉnh Đắk Lắk*) làm chủ tổ chức tiệc tri ân khách hàng. Đến dự có rất đông khách, trong đó có 03 nhóm thanh niên tham gia gồm:

Nhóm thứ nhất gồm có: Nguyễn Văn T (*sinh năm 1994, trú tỉnh Đắk Lắk*); Nguyễn Song Đ (*sinh năm 1991, trú tại thôn 4, xã T, huyện K*); Nguyễn Văn T (*sinh năm 1988, trú tại thôn 4, xã T, huyện K*); cùng với một số người khác không rõ nhân thân, lai lịch.

Nhóm thứ hai gồm: Nguyễn Văn H (*sinh năm 1972, trú tại: thành phố Hải Phòng*), Bùi Thị Yên L (*sinh năm 1991, trú tại thị xã B*) là vợ H, Bùi Thị L Chi (*sinh năm 1993, trú tại thị xã B*) là em vợ H; Bùi Hữu P (*sinh năm 1997, trú tại thành phố Hải Phòng*); D, M (*không rõ nhân thân lai lịch*).

Nhóm thứ ba gồm: Hồ Công Đ (sinh năm 1981, trú tại thành phố B); Cao Thị Ngọc X (sinh năm 1990, trú Thành phố B) là vợ Đ; Đặng Văn C (sinh năm 1989, trú tại tỉnh Đắk Nông); Trương Thị Thúy K (sinh năm 1995, trú tại Thành phố B); Lê Quang T (sinh năm 1987, trú tại thành phố B); Nguyễn Hoàng Đ (sinh năm 1991, trú tại thị xã B); Nguyễn Đình T (sinh năm 1986, trú tại thị xã B); Đinh Viết H (sinh năm 1989, trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk); Trương Thế V (sinh năm 1981, trú tại thị xã B).

Quá trình dự tiệc, đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì xảy ra mâu thuẫn giữa T và T (cùng nhóm thứ nhất), nên T cầm ly uống bia ném vào người T nhưng lại trúng vào người Nguyễn Văn H (nhóm thứ hai). Lúc này bị một số người dùng bàn ghế đuổi đánh nên T bỏ chạy ra phía ngoài đường trước quán nhậu K4 (không xác định được ai đánh). Sau khi T bỏ chạy thì T đi vào bếp của quán K4 lấy 01 con dao loại dao chặt có cán bằng gỗ dài khoảng 10cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 20cm, bản rộng đồng thời cởi áo đang mặc quần vào tay cầm dao đi ra phía trước quán K4 chém nhiều nhát vào vùng đầu và vai của H gây thương tích. Thấy H bị T chém thì Bùi Hữu P, Hồ Công Đ và Đặng Văn C vào can ngăn cũng bị T dùng dao chém nhiều nhát vào người gây thương tích.

Cùng lúc này, nhận được tin báo có sự việc đánh nhau tại khu vực quán nhậu K4 nên anh Lê Thanh D (sinh năm 1993, trú tại thị xã B) là Cán bộ Công an phường A, thị xã B cùng với anh Võ Đình T (sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố 9, phường A, thị xã B) là Cán bộ Ban chỉ huy quân sự phường A được phân công đã đến hiện trường để giải quyết vụ việc. Khi đến nơi anh D, T thấy Nguyễn Văn T đang cầm dao chém người nên anh D và T đã lao vào khống chế T nhưng sau đó T được đồng bọn giải thoát lên xe máy của đối tượng tên N (không xác định được nhân thân, lai lịch) rời khỏi hiện trường.

Sau khi bị T chém thì Nguyễn Văn H, Bùi Hữu P, Hồ Công Đ, Đặng Văn C được đưa đi bệnh viện cấp cứu, điều trị.

Lời khai, biên bản nhận dạng, biên bản làm việc của những người bị hại gồm anh Bùi Hữu P, anh Nguyễn Văn H, anh Đặng Văn C, anh Hồ Công Đ đều khẳng định người đã sử dụng dao gây ra thương tích cho mình Nguyễn Văn T.

Lời khai, biên bản nhận dạng của người làm chứng gồm các anh Lê Thanh D, Võ Đình T là những người trực tiếp khống chế Nguyễn Văn T và những người làm chứng anh Lê Quang T, anh Nguyễn Văn C, chị Châu Thị Hồng N, anh Hồ Tự T, anh Nguyễn Thanh C, anh Huỳnh Xuân H, chị Bùi Thị L Chi, chị Trương Thị Thúy K, anh Nguyễn Văn T đều khẳng định Nguyễn Văn T là người cởi trần sử dụng dao chém người trước quán nhậu K4.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 1152/PY-TgT ngày 20/9/2017; số 532/GĐHS ngày 20/6/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận đối với Bùi Hữu P: Đa thương, gãy 02 xương bàn 18%. Vật tác động sắc bén. Tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với từng thương tích gây ra: Vết thương vùng đỉnh đầu dài #7cm, tỷ lệ

4%; vết thương vùng lưng (T) dài #6cm, tỷ lệ 4%; vết thương vùng lưng (T) dài 1cm, tỷ lệ 1%; vết thương mu bàn tay (T) kích thước #7cm, tỷ lệ 4%; vết thương mu bàn tay (T) kích thước 08cm, tỷ lệ 4%; đứt gân duỗi cổ tay quay dài và ngắn, gân duỗi ngón 2, 3, 4, 5, gân duỗi ngón 2, 3, 4 đứt 2 đoạn, tỷ lệ 3%; gãy thân xương bàn III, nền xương bàn V bàn tay (T), tỷ lệ 6%; vết bầm đỏ sau ngoài cổ bên (T) dài #10cm, 02 vết thương sâu sát thành trước ngực (T) và sau cánh tay (T) dài #7cm và 8cm, sâu sát thành bụng hạ sườn (T) #5cm x 02cm: không đủ cơ sở để đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 1151/PY-TgT ngày 20/9/2017; số 531/GĐHS ngày 20/6/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận đối với Nguyễn Văn H: Đa thương phần mềm 10%. Vật tác động sắc bén. Tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với từng thương tích gây ra là: Vết thương vùng thái dương (P) vòng cung khoảng (4x1)cm, tỷ lệ 4%; vết thương sau vai trái khoảng (5x2)cm, tỷ lệ 4%; Vết thương sau vai trái (bên cạnh vết thương trên) khoảng (02x01)cm, tỷ lệ 1%.

Tại công văn số 279/CV-TTPY ngày 21/9/2022 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk, giải thích về kết quả tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do từng thương tích như sau: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Nguyễn Văn H được áp dụng theo Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế. Căn cứ khoản 2 Điều 2 (*nguyên tắc giám định*): “khi giám định qua hồ sơ, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể được xác định ở giới hạn thấp nhất của khung tỷ lệ tương ứng với các tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể được ban hành kèm theo Thông tư”. Khi tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do từng thương tích thì mỗi thương tích phải chịu tỷ lệ phần trăm của cả nhóm thương tích (*các thương tích phần mềm được xếp vào một nhóm*), cụ thể với các thương tích của Nguyễn Văn H, thì tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do từng thương tích: Vết thương vùng thái dương (P) vòng cung khoảng (4x1)cm, tỷ lệ 4% (mục I.2, Chương 9 tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm có tỷ lệ 4-7%, chúng tôi lấy thấp nhất là 4%); Vết thương sau vai trái khoảng (5x2)cm, tỷ lệ 4% (mục I.2, Chương 9 tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm có tỷ lệ 4-7%, chúng tôi lấy thấp nhất là 4%); Vết thương sau vai trái (bên cạnh vết thương trên) khoảng (2x1)cm, tỷ lệ 1% (mục I.1 Chương 9 tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm có tỷ lệ 1-3%, chúng tôi lấy thấp nhất là 1%).

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 65/GĐHS ngày 04/6/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận đối với Đặng Văn C: Vết thương đầu chằm đỉnh (T) dài 5cm; mẻ bản sọ ngoài chằm (T). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích là 7%. Vật tác động vật sắc. Cơ chế tác động: vết thương đầu chằm đỉnh (T) dài 5cm; mẻ bản sọ ngoài chằm (T) do vật sắc tác động trực tiếp hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, từ sau ra trước.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 653/GĐHS, ngày 04/6/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận đối với Hồ Công Đ: Vết thương mặt

sau cẳng tay trái 02cm, rách kết mạc góc 9 giờ #3mm, xuất huyết dưới kết mạc. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%. Vật tác động vật sắc và vật tày. Vết thương mặt sau cẳng tay trái 02cm do vật sắc tác động trực tiếp hướng từ trước ra sau; chấn thương vùng mắt trái rách kết mạc góc 9 giờ #3mm xuất huyết dưới kết mạc do vật tày tác động trực tiếp hướng từ trước ra sau .

* Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Ngày 30/6/2017, CQCSĐT Công an thị xã B tiến hành khám nghiệm hiện trường. Hiện trường nơi tiến hành khám nghiệm tại quán nhậu K4 thuộc tổ dân phố 5, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình khám nghiệm không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

* Việc thu giữ, tạm giữ, xử lý đồ vật, tài liệu:

Đối với 01 con dao mà bị can Nguyễn Văn T đã sử dụng làm công cụ phạm tội, quá trình chạy trốn T cầm theo, quá trình điều tra T không thừa nhận hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã Quyết định:

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Giết người”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 23/6/2022.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về: Trách nhiệm dân sự; Án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 05/12/2022, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án quá nặng.

Tại phiên tòa: Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Sau khi nghe: Bị cáo trình bày nội dung, căn cứ kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; căn cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của Bị cáo, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để kết luận: khoảng 22 giờ 29/6/2017, tại quán nhậu K4, tổ dân phố 5, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đã xảy ra mâu thuẫn giữa các nhóm thanh niên, nên Nguyễn Văn T đã sử dụng 01 con dao có cán bằng gỗ dài khoảng 10cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 20cm, bản rộng chém vào vùng đầu, lưng, tay của anh Bùi Hữu P gây thương tích tỷ lệ 18%, chém vào vùng đầu, vai của anh Nguyễn Văn H gây thương tích tỷ lệ 10%, chém vào vùng đầu của anh Đặng Văn C gây thương tích tỷ lệ 7%. Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Giết người”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T thì thấy: Hành vi dùng dao chém vào đầu người bị hại của bị cáo là nguy hiểm, nên bị cáo bị truy tố và xét xử tội “Giết người” theo tình tiết định khung tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: khai báo thành khẩn và tác động cho gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại, là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp... để cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đồng thời do Bị cáo phạm tội chưa đạt nên cũng đã áp dụng Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 12 năm 6 tháng tù là hình phạt đầu khung của tội mà Bị cáo bị truy tố và xét xử là không nặng, đã tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả mà Bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo có khắc phục hậu quả số tiền 5.000.000 đồng nhưng không làm giảm trách nhiệm hình sự của bị cáo. Tại phiên tòa, Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo không có tình tiết nào mới làm giảm trách nhiệm hình sự của Bị cáo như quyết định của Bản án sơ thẩm nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Bị cáo Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự; Án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng: điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội: “Giết người”. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 23/6/2022.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự; Án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến